

PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ



Dự án : Hoàn thiện và phát triển lưới hạ thế khu vực Phường Bình Tân năm 2027.

Loại công trình : Hoàn thiện và phát triển trạm biến thế.

Kế hoạch : ĐTXD 2027.

Địa chỉ xây dựng : Phường Bình Tân.

Khái toán vốn đầu tư : 18.061.942.430 đồng

Người lập phương án : Nguyễn Hưng Vương

Trưởng đơn vị : Nguyễn Quang Trình./.

Nơi nhận:

- Phòng KHVT (để phối hợp);
- Phòng KTAT (để phối hợp);
- Lưu: VT, QLLĐ, NHV.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Văn Thành

NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ

Hoàn thiện và phát triển lưới hạ thế khu vực Phường Bình Tân năm 2027.

1. Các căn cứ và cơ sở lập dự án:

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV;

Căn cứ công văn số 803/DVĐL-KD ngày 02/04/2025 của Công ty DVĐL Tp.HCM về việc thông báo cập nhật đơn giá thi công live line năm 2025 áp dụng hình thức tự thực hiện trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-HĐTV ngày 07/01/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về ban hành Quy định hướng dẫn phân cấp trong các dự án đầu tư xây dựng, trang bị tài sản cố định, ứng dụng công nghệ thông tin trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-EVNHCMC ngày 30/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc phân cấp cho Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-HĐTV ngày 30/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Quy chế về công tác đầu tư xây dựng áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-HĐTV ngày 31/05/2025 của Tổng công ty Điện lực TP.HCM về việc ban hành Quy chế về công tác kế hoạch áp dụng trong Tổng công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về ban hành quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 5791/QĐ-EVNHCMC ngày 04/11/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi áp dụng trong nội bộ Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 5335/QĐ-EVNHCMC ngày 13/10/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh về việc ban hành suất vốn đầu tư các công trình: Cáp ngầm hạ thế lõi nhôm; Lắp đặt một số thiết bị chính (gồm: tủ bù trung thế, LBS và Recloser) áp dụng chung trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 6426/QĐ-EVNHCMC ngày 08/12/2025 của EVNHCMC về ban hành suất vốn đầu tư công trình lắp đặt tủ phân phối hạ thế áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 6021/QĐ-EVNHCMC ngày 14/11/2025 của EVNHCMC Về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình Móng trạm biến áp 01 cột thép loại không tích hợp tủ RMU; cáp ngầm hạ thế; trạm biến áp trung thế (loại máy khô) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 3788/QĐ-QĐ-EVNHCMC ngày 24/07/2025 của EVNHCMC Về việc ban hành suất vốn đầu tư công trình đường dây trung thế nổi loại 3 pha 4 dây sử dụng trụ bê tông ly tâm 18 m – 10 kN (khu vực 1 và 2) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Quyết định số 3571/QĐ-EVNHCMC ngày 14/07/2025 của EVNHCMC Về việc ban hành Suất vốn đầu tư công trình: Lắp đặt tủ trung thế (gồm phần móng, thiết bị) áp dụng trong nội bộ Tổng công ty;

Căn cứ Tờ trình số 68/QLLĐ ngày 13/01/2026 của Đội QLLĐ về việc kế hoạch đăng ký danh mục đầu tư xây dựng năm 2027_hiệu chỉnh.

2. Mục tiêu đầu tư:

- Thay các trụ điện hạ thế bị nghiêng, thấp và các trụ sắt còn tồn tại trên lưới điện.
- Tăng cường lưới hạ thế để chia tải với các lộ ra có phụ tải cao đảm bảo mỗi lộ ra có phụ tải từ 80 đến 120 A để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.
- Tăng cường lưới hạ thế để thay thế các nhánh dây mắc điện thuộc các ngõ hẻm để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.
- Thực hiện hoàn thiện lưới điện cũng như đồng bộ dự án.

3. Hiện trạng lưới điện:

3.1. Phụ tải khu vực cung cấp điện:

Do quỹ đất còn nhiều tạo điều kiện thuận lợi cho việc di dời các xí nghiệp và cơ sở sản xuất từ nội thành ra, khu vực được khảo sát đang phát triển mạnh theo định hướng cụm công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp.

Qua đó, sự gia tăng dân số cơ học tại khu Phường Bình Tân trong những năm gần đây lớn, dẫn đến nhu cầu về phụ tải điện sinh hoạt và dịch vụ cũng tăng cao.

3.2. Hiện trạng lưới điện:

3.2.1. Hiện trạng địa lý:

Khu vực Phường Bình Tân:

- Phía Bắc giáp: Xã Bà Điểm
- Phía Đông giáp: Phường Bình Trị Đông
- Phía Nam giáp: Phường Tân Tạo
- Phía Tây giáp: Xã Tân Vĩnh Lộc

3.2.2. Hiện trạng và phương hướng phát triển kinh tế, xã hội:

a. Nông nghiệp:

Nông nghiệp chủ yếu là trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Trong những năm qua, do quá trình đô thị hoá diễn ra nhanh nên diện tích đất và qui mô sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp, thay vào đó là sự phát triển của khu dân cư và các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn phát triển mạnh và đa dạng với các ngành nghề chính như: nhựa, may mặc, cơ khí, nhôm, sản xuất và gia công đồ gỗ, ...

c. Thương mại - dịch vụ:

Ngành thương mại - dịch vụ đang phát triển, tuy nhiên không đồng đều, chủ yếu theo các trục lộ chính trên địa bàn.

d. Giao thông - thủy lợi

Phường Bình Tân là cửa ngõ quan trọng phía Tây Nam TP.HCM, có đường Quốc lộ 1A là trục xuyên suốt. Khu vực có hệ thống giao thông đường bộ rất thuận lợi cho việc phát triển thương mại - dịch vụ - sản xuất - thương mại, giao lưu văn hoá và hợp tác với các tỉnh trong việc phát triển kinh tế.

e. Dân cư:

Khu vực Phường Bình Tân dân cư phát triển mạnh do ảnh hưởng từ trào lưu đô thị hóa và một phần sinh hoạt phục vụ công nhân khu dân cư và các cơ sở sản xuất.

3.2.3. Hiện trạng lưới điện:

3.2.3a. Nguồn cung cấp:

Khu vực phường Bình Tân được cấp điện từ các tuyến dây 22KV thuộc các trạm trung gian Bình Tân (3x63MVA), Tân Bình 1 (2x63MVA), T KCN Vĩnh Lộc (3x63MVA), GIS Bình Tân (15x63MVA)

3.2.3b. Lưới trung thế:

Đường dây trung thế hiện hữu đã bao phủ các trục đường chính của phường và các nơi có khu dân cư tập trung, chiếm khoảng 90% địa bàn của toàn vùng.

Trong phạm vi công trình được cung cấp từ các đường dây trung thế 22KV như sau:

TT	Phát tuyến	Tiết diện dây	Idm (A)	I(Max)	Ghi chú
	TRẠM TÂN BÌNH 1				
1	LIÊN HỢP	3ACV240+AC95	600	70	21-10-25
2	KIM LIÊN	3ACV240+AC95	600	130	21-10-25

TT	Phát tuyến	Tiết diện dây	I _{dm} (A)	I(Max)	Ghi chú
3	CẦU BUNG	3ACV240+AC95	600	130	21-10-25
4	ÔNG KINH	3ACV240+AC95	600	160	21-10-25
5	KCN VĨNH LỘC	3ACV240+AC95	600	210	21-10-25
6	HÙNG HÒA	3ACV240+AC95	600	250	21-10-25
	TRẠM GIS BÌNH TÂN				
1	PHƯƠNG OANH	3ACV240+AC95	600	200	21-10-25
2	CHIẾN LƯỢC	3ACV240+AC95	600	160	21-10-25
3	GỖ XƯA	3ACV240+AC95	600	210	21-10-25
4	THÔNG VẬN	3ACV240+AC95	600	230	21-10-25
5	AO ĐÔI	3ACV240+AC95	600	100	21-10-25
6	BÀ YẾN	3ACV240+AC95	600	210	21-10-25
7	BẦY A	3ACV240+AC95	600	190	21-10-25
8	KDC BÌNH TÂN	3ACV240+AC95	600	200	21-10-25
	TRẠM KCN VĨNH LỘC				
1	HẢI SẢN	3ACV240+AC95	600	120	21-10-25
2	GỖ MÂY	3ACV240+AC95	600	0	21-10-25
3	MÃ VÔI	3ACV240+AC95	600	0	21-10-25
4	TỔNG KHO	3ACV240+AC95	600	50	21-10-25

Các trục chính đều có tiết diện chuẩn 240mm², đảm bảo khả năng mang tải và cung cấp điện ổn định trong vận hành.

3.2.2c. Trạm hạ thế:

Cùng với việc điều chuyển các trạm biến thế non và quá tải, đồng thời hàng năm đưa vào vận hành các trạm biến thế trong các công trình ĐTXD sẽ đảm bảo cung cấp điện cho phụ tải trong khu vực.

3.2.3d. Lưới hạ thế:

Trong thời gian qua, các tuyến đường, hẻm trong khu vực phường Bình Tân đã và đang được mở rộng nâng cấp, kèm theo đó tốc độ phát triển dân cư tăng nhanh nên lưới hạ thế hiện hữu bị quá tải, cáp băng đường không an toàn và không mỹ quan, không đáp ứng phụ tải trong thời gian tới. Vì vậy cần thiết phải phát triển lưới hạ thế tại các khu vực trên để hoàn thiện lưới điện.

4. Quy mô, đặc điểm dự án:

a. Giải pháp kỹ thuật đề xuất:

- Lắp mới trạm biến áp để chia phụ tải với các trạm đầy tải (tải trên 80% liên tục trong 3 tháng), giảm bán kính lưới hạ thế xuống dưới 300 mét để đảm bảo điện áp ổn định, giảm tổn thất điện năng, giảm sự cố mất điện trong khu vực.

- Tăng cường lưới hạ thế để chia tải với các lộ ra có phụ tải cao đảm bảo mỗi lộ ra có phụ tải từ 80 đến 120 A để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.

- Tăng cường lưới hạ thế để thay thế các nhánh dây mắc điện thuộc các ngõ hẻm để nâng cao chất lượng cung cấp điện, đảm bảo vận hành an toàn lưới điện.

- Cải tạo cáp suất, CDHT, MCCB thành tủ điện tổng dùng cho trạm biến thế đo đếm hạ thế nhằm mục đích:

- + Tăng độ an toàn trong công tác vận hành lưới điện (bảo vệ lưới điện qua MCCB tổng và MCCB con).

- + Dễ dàng thao tác đóng cắt, cô lập lưới điện khi có yêu cầu.

- + Tăng tính thẩm mỹ tại trạm điện so với việc sử dụng các thùng MCCB riêng lẻ.

- Bên cạnh đó, để thực hiện hoàn thiện lưới điện cũng như đồng bộ dự án phải thực hiện như sau:

- + Tăng cường cáp ABC có chủng loại <95mm² thành cáp ABC 4*95mm².

- + Thay thế các đoạn cáp bị tróc vỏ.

- + Thay thế các trụ thấp, góc nghiêng nhỏ... không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành lâu dài.

- + Đối với các trụ trồng mới, thay mới:

- . Thực hiện đánh số trụ theo qui định và sơn biển cảnh báo nguy hiểm.

- . Thực hiện lắp mới các bảng chỉ danh thiết bị nếu vị trí trụ có thiết bị.

Cụ thể như sau:

a.1. Cải tạo, thay dây mắc điện thành cáp 4x95mm², thay cáp ABC 4x95 mm² vận hành lâu năm

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
1	TU LUNG 2					
		trạm	288	Hương Lộ 80	120	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	218	Hương Lộ 80	240	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		232	232/56	Hương Lộ 80	200	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		252/52	cuối hẻm	Hương Lộ 80	120	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm ²
		224	224/23	Hương Lộ 80	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
2	QUOC NAM					
		trạm	322/27	Bình Thành	230	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		322/27	322/27/17	Bình Thành	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		322/27	276/30	Bình Thành	210	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
3	MUONG LE 6					
		trạm	53/18/50	Đường số 4	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		trạm	53/23	Đường số 4	140	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		trạm	53/176/46	Đường số 4	180	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						thế.
		trạm	53/129	Đường số 4	140	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		53/181/10/9	53/181/10/9/11	Đường số 4	50	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
		53/176/18	53/176/18	Đường số 4	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		83/119/7	83/119/35	Đường số 4	60	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
		83/119/6	83/119/6/20		60	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
4	MUONG LE 4					
		trạm	144/36/100	Đường số 6	60	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	144/36/51	Đường số 6	90	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		trạm	53/127/21	Đường số 4	100	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		53/137/8	53/137/8/11	Đường số 4	90	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		53/127/30	53/127/30/32	Đường số 4	120	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		53/127/30	53/127/30/20	Đường số 4	120	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
5	MUONG LE 10					
		trạm	24	Đường số 8	150	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	111	Đường số 8	240	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
			62/10	Đường số 8	100	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		48	61/15	Đường số 8	130	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		104	61/7	Đường số 8	120	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		112	61/62	Đường số 8	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ²

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		59	59/9	Đường số 8	50	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
		88	88/7	Đường số 8	40	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
6	HUONG LO 80/334					
		trạm	316	Hương Lộ 80	150	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		316	316/20	Hương Lộ 80	150	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		326	326/5/19	Hương Lộ 80	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		trạm	356	Hương Lộ 80	130	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		trạm	450/5	Hương Lộ 80	200	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
7	BINH THANH 457					
		trạm	457/59	Bình Thành	170	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		trạm	457/7	Bình Thành	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		457/9	457/9/6	Bình Thành	30	
8	QUOC LO 1A/634					
		trạm	640	Quốc Lộ	80	Thay 3 nắp 4x95mm2

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
				1A		vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		640	642	Quốc Lộ 1A	120	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm2
		trạm	612	Quốc Lộ 1A	110	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
9	NGUYEN THI TU 155					
		trạm	229	Nguyễn Thị Tú	190	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		trạm	113	Nguyễn Thị Tú	180	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		151	271A	Đường số 1	150	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		153	DD 3	đường	240	Cải tạo, thay dây mắc

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
				số 1		điện thành 2 nắp 4x95mm ²
		DD 3	DD 247	đường số 1	230	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm ²
		DD 247	DD 179	đường số 1	240	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm ²
	TU DOI 3					
		Trạm	79	đường số 1	240	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm ²
		79	99	đường số 1	230	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm ²
10	QUOC LO 1A/360					
		Trạm	352	Quốc Lộ 1A	80	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		Trạm	390	Quốc Lộ 1A	190	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
13	HAI PHAM 2/2					
		Trạm	738/33	Quốc Lộ 1A	60	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		738/25	738/25/6	Quốc Lộ 1A	40	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		Trạm	738/7	Quốc Lộ 1A		Thay 3 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		738/7	738	Quốc Lộ 1A	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		738/7	738/7/10	Quốc Lộ 1A		Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		738/20	738/20/11	Quốc Lộ 1A	160	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		738/16	Cuối hẻm	Quốc Lộ 1A	150	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						hiện hữu
14	MUONG LE 1/2					
		Trạm	106	Đường số 6	150	Thay 2 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện tháp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		118	Cuối hẻm	Đường số 6	160	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện tháp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		148	Cuối hẻm	Đường số 7	60	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm ²
15	QUOC LO 1A/330					
		Trạm	330/10	Quốc Lộ 1A	150	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện tháp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		330/10	330/10/72	Quốc Lộ 1A	140	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện tháp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		330/8/13	Cuối hẻm	Quốc Lộ 1A	190	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		330/8/19	Cuối hẻm	Quốc Lộ 1A	200	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
19	NGUYEN THI TU 67/58					
		Trạm	67/58/30	Nguyễn Thị Tú	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
		Trạm	67/59	Nguyễn Thị Tú	180	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		67/59	67/129	Nguyễn Thị Tú	160	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
	NGUYEN THI TU 67					
		6743/5	67/11/12/4	Nguyễn Thị Tú	60	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
20	HAI SU 2					
		Trạm	9	Bùi Dương Lịch	200	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		2	cuối hẻm	Bùi Dương Lịch	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		8	cuối hẻm	Bùi Dương Lịch	100	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 1 nắp 4x95mm2
22	NHA VUONG 2/2					
		Trạm	118/90/31	Liên Khu 5-6	230	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		Trạm	118/52/4	Liên	200	Thay 1 nắp 4x95mm2

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
				Khu 5-6		vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		Trạm	146	Liên Khu 5-6	120	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
	NHA VUONG 3/2					
		Trạm	169	Liên Khu 5-6	120	
		Hẻm 169	Cuối hẻm	Liên Khu 5-6	180	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm2
		169/6	Cuối hẻm	Liên Khu 5-6	150	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm2
	NHA VUONG 3					
		Trạm	163	Liên Khu 5-6	150	
		Hẻm 163	Cuối hẻm	Liên Khu 5-6	140	Cải tạo, thay dây mắc điện thành 2 nắp 4x95mm2
23	SOAI ANH 4/3					
		Trạm	35/2	Liên Khu 4-5	230	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		Trạm	58	Liên Khu 4-5	80	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
		35/2	35/12	Liên Khu 4-5	100	Thay 2 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định
24	SOAI ANH 3/2					
		Trạm	18	đường số 4	80	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		18	18/8	đường số 4	100	Thay 1 nắp 4x95mm2 vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm2 để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm2 để

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		Trạm	2	đường số 4	100	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
26	Go May 3/3					
		Trạm	93/31	Nguyễn Thị Tú	240	
29	BAY BOI 1					
		Trạm	2/39C	Bùi Dương Lịch	230	Thay 3 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; tháo dỡ, lắp lại 1 nắp 4x95mm ² để chỉnh trang lại lưới hạ thế.
		2/39C	1/30	Bùi Dương Lịch	240	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		1/8	2/17	Bùi Dương Lịch	180	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cấp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ²

TT	Tên trạm biến thế	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Tên Đường	Khoảng cách	Ghi chú
						để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu
		2/14	2/19	Bùi Đường Lịch	160	Thay 1 nắp 4x95mm ² vận hành lâu năm cáp có hiện tượng lão hóa kết hợp lắp bổ sung hộp domino, thay trụ điện thấp, lắp đà sắt để đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định; Tăng cường 1 nắp 4x95mm ² để giảm tải lưới hạ thế hiện hữu

Tăng cường cáp ABC 4x95 mm² chia tải cho lộ ra có tải trên 120A

TT	Tên Trạm	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Chiều dài	Số nắp ABC 4x95 mm ² tăng cường
1	Ma Voi 2/2	trạm	59 Hồ Văn Long	80	3
2	QUOC LO 1A/634	trạm	đầu đường LK 5-6 (ngã 3 LK5-6, QL1A)	220	3
3	QUOC LO 1A/634	đầu đường LK 5-6 (ngã ba LK5-6, QL1A)	đầu hẻm số 8 LK 5-6	150	1
4	KDC VINH LOC T11/1	trạm	57 ĐƯỜNG SỐ 6 KDCVL	140	1
5	KDC VINH LOC T11/2	trạm	54-56 ĐƯỜNG SỐ 3 KDVVL	220	1
6	KDC VINH LOC T3/1	trạm	354/16/6/10 QUỐC LỘ 1A	210	1
7	Tư Che 1A	trạm	53/176 Đường số 4	250	2
8	TU CHE 1A	trạm	102/22 Liên khu 4-5 KP 4	160	1
9	MUONG LE 8	trạm	193/42D ĐƯỜNG SỐ 6	190	1
10	MUONG LE 5	trạm	193/23 Đường số 8	150	2
11	UT THANH	trạm	387/9 Bình Thành	170	1
12	GO MAY 3/3	trạm	93/29 Nguyễn Thị Tú	245	2
13	CU LAO 2	trạm	310 Bình Nguyễn Thị Tú	240	1
14	CU LAO 1/2	trạm	310 Bình Nguyễn Thị Tú	40	1
15	CU LAO 1/2	trạm	289/20 NGUYỄN THỊ TÚ	145	1
16	NHA VUONG 2	trạm	118C LIÊN KHU 5- 6 Phường Bình	190	1

TT	Tên Trạm	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Chiều dài	Số nắp ABC 4x95 mm2 tăng cường
			Hưng Hoà B, Quận Bình Tân		
17	NHA VUONG 2	trạm	118/20 LK 5-6	160	1
18	SOAI ANH 2	trạm	46/10 ĐƯỜNG SỐ 2	170	1
19	Nguyễn Thị Tú 155	151 Nguyễn Thị Tú	271 Đường số 1	160	1
20	TU LUNG 2	trạm	232/40 Hương Lộ 80	245	2
21	NHA VUONG 3	trạm	111A LIÊN KHU 5-6 KP6 P.BÌNH HUNG HÒA B Q.BÌNH TÂN	120	1
22	NHA VUONG 3	trạm	143/68 LIÊNKHU5-6KP10P.BHHÒABQ .BÌNHTÂN	210	1
23	UT THANH 2	trạm	257/112/24 Bình Thành	240	1
24	TU DOI	trạm	66/102 BÌNH THÀNH Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân	245	2
25	TU DOI 2	trạm	111/94 BÌNH THÀNH, P.BÌNH HUNG HÒA B, Q.BÌ	250	1
26	TU DOI 2/2	trạm	153/81 BÌNH THÀNH, KP4, P. BÌNH H	250	1
27	TU DOI 3	trạm	01 ĐƯỜNG SỐ 3 KDCVL	240	1
28	TU DOI 3	trạm	66/90B BÌNH THÀNH	145	1
29	TU CHE	trạm	133/61 ĐƯỜNG LIÊN KHU 4-5,KP5,P.BÌNH HUNG HÒA B,Q.BÌNH TÂN	210	1
30	TU CHE 1/4	trạm	213/119 LIÊN KHU 4-5, KP6, P.BHH B, Q.BT	140	2
31	TU CHE 2	trạm	255/52 LIÊN KHU 4-5	250	1
32	TU CHE 2/2	trạm	376/20 LIÊN KHU 4-5, PHƯỜNG BÌNH HUNG HÒA B, QUẬN BÌNH TÂN, TPHCM	65	1
33	TU CHE 2/2	trạm	KÊ 258 LIÊN KHU 4-5 (MPT 580 BĐ	140	1

TT	Tên Trạm	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Chiều dài	Số nắp ABC 4x95 mm2 tăng cường
			83) Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân		
34	TU CHE 2/2	trạm	KÊ 300 LIÊN KHU 4-5 (THỬA 47 BĐ 82) P.BÌNH HƯNG HÒA B Q.BÌNH TÂN	80	1
35	TU CHE 3/3	trạm	205/1/1A Liên khu 4-5 KP 5	250	2
36	GO MAY 5	trạm	252/4/42A QUỐC LỘ 1A KP3 Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân	250	1
37	MA VOI 3	trạm	182/13/37 HỒ VĂN LONG	150	1
38	MA VOI 4	trạm	37/60 HỒ VĂN LONG	185	1
39	GO MAY 3	trạm	78/16 Nguyễn Thị Tú	180	1
40	QUOC LO 1A/390/1	trạm	354/24 Quốc Lộ 1A KP 3	250	1
41	QUOC LO 1A/390/1	trạm	390/65/75E QUỐC LỘ 1A Phường Bình Hưng Hoà B, Quận Bình Tân	250	1
42	QUOC LO 1A/390/1	trạm	390/29 QUỐC LỘ 1A	155	1
43	QUOC LO 1A/576	578 Quốc Lộ 1A	29 Đường Số 8, P. Bình Hưng Hoà B, Q. Bình Tân	210	1
44	SOAI ANH	trạm	34/35 LIÊN KHU 4-5	250	1
45	SOAI ANH 3	trạm	87 ĐƯỜNG SỐ 4	210	1
46	TAP DOAN 20/3	trạm	17/18/15/22/54 Liên Khu 5-6 Khu Phố 6	182	1
47	TAP DOAN 20/3	trạm	KÊ SỐ 17/18/15/2 LIÊN KHU 5-6	140	1
48	TAP DOAN 20/7	trạm	143/90/36 Liên Khu 5-6 Khu Phố 6	200	1
49	THONG VAN 3	Trạm	10/7 Bến Lội (hẻm 22 Bến Lội)	250	1
50	TAY LAN 88	Trạm	Kê 84/43 Tây Lân	250	1
51	TAY LAN 88	Trạm	84/1/37 Tây Lân	250	1
52	VAN U	Trạm	Kê 24/21 Bến Lội 03 khoảng	150	1
53	VAN U	Trạm	24/9/2/11 Bến Lội Phường Bình Trị	130	1

TT	Tên Trạm	Từ địa chỉ	Đến địa chỉ	Chiều dài	Số nắp ABC 4x95 mm2 tăng cường
			Đông A Quận Bình Tân Tphcm		
54	THONG VAN 1	Trạm	2 Bên Lội, lbs Bên Lội)	250	1
55	THONG VAN 2	Trạm	103 Tây Lân P.bình Trị Đông A Q.bình Tân	150	1
56	THONG VAN 2/2	Trạm	59/22 Tây Lân Kp7 P. Bình Trị Đông A Q. Bình Tân	220	1
57	THONG VAN 2/3	Trạm	Gần 131/6/7/4/1 Tây Lân (hướng Kênh Hem Bên Trái)	220	1
58	THONG VAN 2/3	Trạm	135/2/15/6/27 Tây Lân (hướng Kênh)	230	1
59	TAY LAN 21	Trạm	11/2 Tây Lân Kp7 P.bình Trị Đông A Q.bình Tân Tphcm	160	1
60	TDC TAY LAN	Trạm	131/6/1/40b15 Tây Lân (Kdc)	120	1
61	TDC TAY LAN	Trạm	131/6/1/39 Tây Lân (đầu Cáp Ngâm)	30	2
62	BAY CAN 2/2	Trạm	110/2 Miếu Gò Xoài	150	2

a.2 Thay trụ mắc điện

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	PHƯỜNG	TRẠM	SỐ LƯỢNG
	Tổng cộng				38
1	408/7	Bình Thanh	Bình Tân	Út Thành 3	1
2	66/94	Bình Thành	Bình Tân	Tư Đối 3	1
3	34/14	Đường số 1, KDC VL	Bình Tân	Tư Đối 3	1
4	66/90B	Bình Thành	Bình Tân	Tư Đối 3	1
5	Đd 77	Đường số 1, KDC VL	Bình Tân	Tư Đối 3	1
6	Đd 79	Đường số 1, KDC VL	Bình Tân	Tư Đối 3	1
7	Đd 111	Đường số 1, KDC VL	Bình Tân	Tư Đối 3	1
8	ĐD 213/3 (Sau nhà 2/15)	LK 4-5	Bình Tân	Tư Che 4	1
9	131/6/1/40/2	Tây Lân	Bình Tân	TĐC Tây Lân	1
10	131/6/1/40/4	Tây Lân	Bình Tân	TĐC Tây Lân	1
11	Kế 131/6/40B/2	Tây Lân	Bình Tân	TĐC Tây Lân	1
12	131/6/1/23	Tây Lân	Bình Tân	TĐC Tây Lân	1
13	131/6/1/25	Tây Lân	Bình Tân	TĐC Tây Lân	1
14	135/2/15/10/2	Tây Lân	Bình Tân	Tây Lân 135	1

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	PHƯỜNG	TRẠM	SỐ LƯỢNG
15	1/11	Đường số 2, KCN VL	Bình Tân	Tân Hoà	1
16	7A	LK 4-5	Bình Tân	Soái Anh	1
17	228	Mã Lò	Bình Tân	Mã Lò 3/2	1
18	140	Bình Thành	Bình Tân	KDC VL T9	1
19	Kế 136	Đường số 3, KDC VL	Bình Tân	KDC VL T5	1
20	Kế 37	Đường số 8, KDC VL	Bình Tân	KDC VL T14	1
21	879/32/1	Hương Lộ 2	Bình Tân	Hương Lộ 2/879	1
22	963/1/8/16	Hương Lộ 2	Bình Tân	Hương Lộ 2/6A	1
23	977/29	Hương Lộ 2	Bình Tân	Hương Lộ 2/6	1
24	977/2	Hương Lộ 2	Bình Tân	Hương Lộ 2/6	1
25	822/9	Hương Lộ 2	Bình Tân	Hương Lộ 2/5B	1
26	17	Đường số 6	Bình Tân	Gò Xưa	1
27	252/4/50A	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Gò Mây 5	1
28	252/4/20	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Gò Mây 5	1
29	267/21	Nguyễn Thị Tú	Bình Tân	Cù Lao 1/2	1
30	Sau nhà 370A	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bảy A	1
31	424	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
32	418/14D (kế 418/30)	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
33	Kế 418/17/2/13	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
34	Kế 402	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
35	396	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
36	396A (Sau nhà 398)	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
37	ĐD 428/56	Quốc Lộ 1A	Bình Tân	Bà Yên 2/2	1
38	42	Đường số 10	Bình Tân	Gò xưa 3	1

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	PHƯỜNG	TRẠM	SỐ LƯỢNG
	Tổng cộng				43
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1
					1

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
3	255/54	Bình Thành	Tư Che 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
4	47/10A	Bình Thành	Tư Đối	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
5	66/130	Bình Thành	Tư Đối 3	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
6	75	Bình Thành	Tư Đối	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
7	Kế 192	Bình Thành	Bình Thành 257	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
8	Sau 75	Bình Thành	Tư Đối	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
9	8/5/6/1	Bùi Dương Lịch	Hai Sứ 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
10	8/5/6/1 3	Bùi Dương Lịch	Hai Sứ 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
11	8/5/6/1 7	Bùi Dương Lịch	Hai Sứ 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
12	Đôi diện 111	Đường Số 1 KDCVL	KDC Vĩnh Lộc T3/2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
13	Đôi diện 48	Đường Số 10A KDC Vĩnh Lộc	Bình Thành 257	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
14	102	Đường Số 1A KDCVL	Quốc Lộ 1A 390/1	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
15	178	Đường Số 1A KDCVL	KDC Vĩnh Lộc T3	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
16	41	Đường Số 1A KDCVL	KDC Vĩnh Lộc T2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
17	38/16	Đường Số 2	Soái Anh 2	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
18	38/21	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
19	38/29	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
20	38/35B	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
21	41/12/2	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
22	41/12/6	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
23	61/4/1	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
24	61/4/2/ 17/6/2B	Đường Số 2	Soái Anh 2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
25	212	Đường Số 3 KDCVL	KDC Vĩnh Lộc T7	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
26	220	Đường Số 3 KDCVL	KDC Vĩnh Lộc T7	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
27	18/12	Đường Số 4	Soái Anh	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
28	55/12	Đường Số 6	Mường Lẹ 10	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
29	Đội diện 12/19	Đường Số 6	Gò Xưa	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
30	156	Đường Số 8	Mường Lẹ 5/2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
31	61/12	Đường Số 8	Mường Lẹ 10	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
32	61/14	Đường Số 8	Mường Lẹ 10	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
33	10	Hồ Văn Long	Gò Mây 4	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
34	182/13/31	Hồ Văn Long	Mã Voi 3	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
35	22	Hồ Văn Long	ko có LHT	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
36	235	Hồ Văn Long	Mã Voi 3	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
37	37/23/8/4/19A	Hồ Văn Long	Mã Voi 4	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
38	37/23/8/4/7	Hồ Văn Long	Mã Voi 4	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
39	48	Hồ Văn Long	Gò Mây 4		1	Đang sử dụng trụ 10m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 10m để thay thế trụ hiện hữu
40	53	Hồ Văn Long	Mã Voi 5	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
41	Gần 37/23/8 /4/9	Hồ Văn Long	Mã Voi 4	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
42	316	Hương Lộ 80	Tư Lung 2/2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
43	316/14	Hương Lộ 80	ko có LHT	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
44	316/17	Hương Lộ 80	ko có LHT	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
45	316/9	Hương Lộ 80	ko có LHT	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
46	Góc đường số 1 và 16A	KDC Vĩnh Lộc	Nguyễn Thị Tú 155	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
47	09	Liên Khu 4-5	Soái Anh 3	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
48	34	Liên Khu 4-5	Soái Anh	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
49	35/14	Liên Khu 4-5	Soái Anh	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
50	7/8	Liên Khu 4-5	Soái Anh 3	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
51	Kế 35/27/4	Liên Khu 4-5	Soái Anh	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
52	129/2	Liên Khu 5-6	Mường Lệ 5	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
53	Đôi diện 21/28	Liên Khu 5-6	Mường Lệ 4	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
54	10	Nguyễn Thị Tú	Ngã Tư Gò Mây	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
55	147/14 7	Nguyễn Thị Tú	Quốc Lộ 1A 390/1	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
56	147/14 9	Nguyễn Thị Tú	Quốc Lộ 1A 390/1	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
57	67/43/14	Nguyễn Thị Tú	Gò Mây 5	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
58	67/43/59	Nguyễn Thị Tú	Gò Mây 5	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
59	67/43/6	Nguyễn Thị Tú	Gò Mây 5	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
60	67/58/50	Nguyễn Thị Tú	Bảy A		1	Đang sử dụng trụ 10m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 10m để thay thế trụ hiện hữu
61	100/30	Quốc Lộ 1A	Hai Sứ	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
62	324C	Quốc Lộ 1A	Bảy A	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
63	330/8/13/57	Quốc Lộ 1A	Bảy A	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
64	346/44	Quốc Lộ 1A	Bảy A	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
65	354A	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 352	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
66	390/34/8D	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 352	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
67	390/63	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 390/1	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
68	390/65/49	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 390/1	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
69	390/65/63	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 390/1		1	Đang sử dụng trụ 10m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 10m để thay thế trụ hiện hữu
70	390/74	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 352	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
71	394A	Quốc Lộ 1A	Bà Yến 2/2	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
72	402	Quốc Lộ 1A	Bà Yến 2/2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
73	430	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 438	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
74	460	Quốc Lộ 1A	Soái Anh 5	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
75	578	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A/576	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
76	600	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A/576	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
77	616	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A/634	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
78	756/10	Quốc Lộ 1A	Tám Bắc	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
79	756B	Quốc Lộ 1A	Tám Bắc	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
80	758	Quốc Lộ 1A	Tám Bắc	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
81	762/36/50	Quốc Lộ 1A	Toàn Bắc 2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
82	Kế 100/28/7/7	Quốc Lộ 1A	Hai Sự	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
83	Kế 330/11	Quốc Lộ 1A	Bảy A	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
84	Kế 756B	Quốc Lộ 1A	Tám Bắc	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
85	Kế 762/36/50	Quốc Lộ 1A	Toàn Bắc 2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
86	Sau 330/11	Quốc Lộ 1A	Bảy A	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
87	Sau 430	Quốc Lộ 1A	Quốc Lộ 1A 438	1		Đang sử dụng trụ 6m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
88	24/12A	Bến Lội	Văn Ủ	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
89	24/9/13	Bến Lội	Văn Ủ	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
90	24/9/2/11	Bến Lội	Văn Ủ	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
91	24/9/2/9	Bến Lội	Văn Ủ	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
92	854	Quốc Lộ 1A	Xa Lộ 4	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu

STT	ĐỊA CHỈ	TÊN ĐƯỜNG	TRẠM	Trụ BTLT 8.5	Trụ BTLT 10	HIỆN TRẠNG	GIẢI PHÁP
93	21	Tây Lân	Tây Lân 21	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
94	26	Tây Lân	Xa Lộ 2	1		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
95	L-QL1A/H151P	Tây Lân	Xa Lộ 4	2		Đang sử dụng trụ 8,4m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 8,5m để thay thế trụ hiện hữu
96	L-QL1A/H152P	Tây Lân	Quốc Lộ 1A/930		1	Đang sử dụng trụ 10m thấp không đáp ứng tiêu chuẩn vận hành	Nhằm đảm bảo an toàn, trồng trụ BTLT 10m để thay thế trụ hiện hữu

a.4 Thu hồi trụ không sử dụng

TT	Số nhà/ trụ số	Đường	Trạm	H6m	BTLT 8,4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
				15	91	1	1	
1	688	Quốc Lộ 1A				1		
2	459C	Bình Thành	Cù Lao 2	1				
3	Đ diện 433/14	Bình Thành	Út Thành 3	1				
4	387/21A	Bình Thành	Út Thành 3	1				
5	Đ diện 221/251/52/1A	Bình Thành	Sáu Vị 3	1				
6	8/5/1	Bùi Dương Lịch	Hai Sứ 2	1				
7	64A	Bùi Dương Lịch	Mã Vôì				1	
8	51	Bùi Dương Lịch	Mã Vôì	1				
9	128	Bùi Dương	Mã Vôì	1				

TT	Số nhà/ trụ số	Đường	Trạm	H6m	BTLT 8,4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
		Lịch	2/2					
10	195	Đường 1 KDC VL						
11	390/65/41	Đường 1 KDC VL						
12	42	Đường 14E KDC VL		1				
13	59	Đường 16 KDC VL						
14	71	Đường 16 KDC VL						
15	10	Đường 5C KDC VL						
16	ĐD 79	Đường 8 KDC VL		1				
17	Đ diện 48	Đường số 1A- KCN VL	Bình Thành 171		1			
18	12/13	Đường Số 6	Gò Xưa					
19	22/6F	Đường Số 6	Gò Xưa					
20	22/4/2	Đường Số 6	Gò Xưa					
21	144/36/11	Đường Số 6	Mương Lệ 3					
22	193/2/213	Đường Số 6	Mương Lệ 8					
23	193/2/14	Đường Số 6	Mương Lệ 8					
24	Đ diện 193/2/27A	Đường Số 6	Mương Lệ 8					
25	207/18/1	Đường Số 8	Mương Lệ 5					
26	165	Đường Số 8	Mương Lệ 5/2					
27	157	Đường Số 8	Mương Lệ 5/2					
28	37/20/1A	Hồ Văn Long	Mã Vôi 4	1				
29	37/52A	Hồ Văn Long	Mã Vôi 4	1				
30	37/50/9	Hồ Văn Long	Mã Vôi 4	1				
31	Hông nhà 37/52	Hồ Văn Long	Mã Vôi 4	1				
32	ĐD 229	Nguyễn Thị Tú						
33	360	Nguyễn Thị Tú		1				
34	Đ diện 229	Nguyễn Thị Tú	Cù Lao 2		1			

TT	Số nhà/ trụ số	Đường	Trạm	H6m	BTLT 8,4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
35	390/47	QL1A			1			
36	464	QL1A	Soái Anh 5					
37	L ĐS5/T91T/T1P	QL1A	Soái Anh 3/2					
38	684	QL1A	Quốc Lộ 1A/686					
39	Gần 70/6	QL1A	Hai Sứ		1			
40	74	QL1A	Hai Sứ		1			
41	732	Quốc Lộ 1A						
42	24	Tây Lân			1			
43	26	Tây Lân			1			
44	11/2	Tây Lân			1			
45	84/1/27	Tây Lân		1				
46	686/88A	QL1A	TĐ 20/8		1			
47	686/59	QL1A	TĐ 20/8		1			
48	KẾ 7/134/75	LK 5-6	TĐ 20/7		1			
49	7/134/81/19	LK 5-6	TĐ 20/7		1			
50	143/90/41	LK 5-6	Nhà Vuông 4		1			
51	129/99	LK 5-6	Nhà Vuông 5		1			
52	129/28B	LK 5-6	Nhà Vuông 5		1			
53	143/86	LK 5-6	Nhà Vuông 4		1			
54	143/73	LK 5-6	Nhà Vuông 4		1			
55	143/73/2	LK 5-6	Nhà Vuông 4		1			
56	143/50	LK 5-6	Nhà Vuông 3		1			
57	143/36	LK 5-6	Nhà Vuông 3		1			
58	143/36/4	LK 5-6	Nhà Vuông 3		1			
59	143/36/20	LK 5-6	Nhà Vuông 3		1			
60	143/22	LK 5-6	Nhà Vuông 3		1			
61	118/71/8/7	LK 5-6	Nhà		1			

TT	Số nhà/ trụ số	Đường	Trạm	H6m	BTLT 8,4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
			Vuông 2/2					
62	118/71/10	LK 5-6	Nhà Vuông 2/2		1			
63	129	LK 5-6	Nhà Vuông 5		1			
64	129/1	LK 5-6	Nhà Vuông 5		1			
65	76	LK 5-6	Nhà Vuông 7		1			
66	61	LK 5-6	Nhà Vuông 7		1			
67	59A	LK 5-6	Nhà Vuông 7		1			
68	QL1A/T136P/T3T	QL1A	Hai Phâm 2/2		1			
69	686	QL1A	QL1A 686		1			
70	738/36A	QL1A	Hai Phâm 3		1			
71	762/33A	QL1A	Toàn Bắc		1			
72	798	QL1A	Xa Lộ 4/2		1			
73	469/4	Bình Thành	Cù Lao 2		1			
74	507	Nguyễn Thị Tú	Bình Thành 465		1			
75	433/10	Bình Thành	Út Thành 3		1			
76	Kê trạm NT Tú 67- 58				1			
77	18/1	LK4-5	Soái Anh		1			
78	83/44	LK4-5	Soái Anh 4		1			
79	35/23/7	LK4-5	Soái Anh		1			
80	12/13	đường số 6	Gò Xưa		1			
81	22/6	đường số 6	Gò Xưa		1			
82	22/4/2	đường số 6	Gò Xưa		1			
83	61/8	đường số 8	Mương Lệ 10		1			
84	144/36/11	đường số 6	Mương Lệ 3		1			
85	53/181/11	đường số 4	Mương Lệ 6		1			
86	53/176/20	đường số 4	Mương Lệ		1			

TT	Số nhà/ trụ số	Đường	Trạm	H6m	BTLT 8,4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
			6					
87	53/176/22	đường số 4	Mương Lệ 6		1			
88	53/176/32	đường số 4	Mương Lệ 6		1			
89	ĐD 193/2/27A	đường số 6	Mương Lệ 8		1			
90	193/2/14	đường số 6	Mương Lệ 8		1			
91	193/2/2B	đường số 6	Mương Lệ 8		1			
92	165	đường số 8	Mương Lệ 5/2		1			
93	03	đường số 8	QL1A 576		1			
94	602	QL1A	QL1A 576		1			
95	48/2	đường số 10	Gò Xưa 3		1			
96	70/10	đường số 10	Gò Xưa 3		1			
97	76/20	đường số 10	Gò Xưa 3		1			
98	67/29	đường số 10	TĐ 2Q BHH		1			
99	612	QL1A	QL1A 634		1			
100	610	QL1A	QL1A 634		1			
101	634	QL1A	QL1A 634		1			
102	640	QL1A	QL1A 634		1			
103	193/42/34	Đường số 6			1			
104	118/105	Đường Số 8			1			
105	157	Đường Số 8			1			
106	161	Đường Số 8			1			
107	207	Đường Số 8			1			
108	207/18	Đường Số 8			1			
109	207/25	Đường Số 8			1			
110	118/90/10/8	Liên Khu 5-6			1			
111	118/90/10/22	Liên Khu 5-6			1			
112	38/51/28	Đường Số 2	Soái Anh 2		1			
113	20	Lien Khu 4-5			1			
114	316/5	Hương Lộ 80	Tư Lung 2		1			
115	316	Hương Lộ 80	Tư Lung 3		1			

TT	Số nhà/ trụ số	Đường	Trạm	H6m	BTLT 8,4m	BTLT 10m	BTLT 12m	Ghi chú
116	304	Hương Lộ 80	Tư Lung 4		1			
117	234	Hương Lộ 80	Tư Lung 5		1			
118	232	Hương Lộ 80	Tư Lung 6		1			
119	Hẻm 133	Bình Thành	Tư Đối 2/3		6			
120	Hẻm 47	Bình Thành	Tư Che 2/3		4			

b. Quy mô, khối lượng đầu tư:

+ Phần lưới hạ thế:

- Kéo mới đường dây hạ thế ABC 4x95 mm² nổi 1 mạch: 4.450 mét
- Thay, tăng cường lên cáp ABC 4x95mm² đồng thời kết hợp lắp bổ sung hộp domino, cải tạo, phân bố khoảng cách lại trụ điện thấp, lắp đà thép đẩy lưới điện ra xa để đảm bảo hành lan an toàn lưới điện hạ thế: 35.360 mét.
- Cải tạo nhánh dây mắc điện: 77.745 mét
- Cải tạo trụ mắc điện: 38 trụ
- Thay trụ điện thấp nghiêng: 103 trụ
- Thu hồi trụ không sử dụng: 108 trụ

c. Tổng hợp khối lượng đầu tư:

Căn cứ văn bản 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 V/v công bố suất đầu tư trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Căn cứ bảng tính suất vốn đầu tư (Phụ lục 1, 2)

Tổng giá trị khái toán: **18.061.942.430 đồng**

Trong đó

- Giá trị xây lắp: **12.452.102.143 đồng**
- Giá trị thiết bị: **1.852.986.573 đồng**

5. Hiệu quả đầu tư:

- Về mặt kỹ thuật: giải quyết tình trạng quá tải lưới hạ thế khu vực phường Bình Tân tổng công suất tăng thêm từ phát triển và cải tạo lưới hạ thế tình trạng điện áp được cải thiện, giảm tổn thất lưới điện, lưới điện vận hành an toàn và đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Về mặt kinh tế xã hội: phát triển lưới điện sâu rộng đến các ngõ hẻm đảm bảo điều kiện cung cấp điện cho nhân dân.

- Về hiệu quả tài chính dự án: Dự án khả thi, đảm bảo khả năng thu hồi vốn dự án và đạt được lợi nhuận (phụ lục bảng phân tích đính kèm).

6. Tiến độ thi công:

- Dự kiến khởi công: Quý I năm 2027.
- Dự kiến hoàn thành: Quý III năm 2027.

7. Bản vẽ mặt bằng tổng thể và các bản vẽ liên quan khác:

BẢNG TỔNG HỢP KHÁI TOÁN																		
Phương án: Hoàn thiện và phát triển lưới hạ thế khu vực Phường Bình Tân năm 2027																		
STT	Nội dung	ĐVT	Số lượng	kV	Tổng	Gxd			Gth		Khác	Đơn giá thành phần (sau VAT)			Thành tiền (sau VAT)			Ghi chú
						XD	cột	dây	TB	TNH		Tổng	Xây lắp	Thiết bị	Tổng	Xây lắp	Thiết bị	
I	I. Suất đầu tư EVN 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 (trước VAT):																	
1	HT nối cáp abc 4*95mm2	km	4,45		556,85	225,69	114,25	144,28			72,63	612.535.000	532.642.000	-	2.725.780.750	2.370.256.900	-	
II	III. Khái toán tạm tính:																	
1	Theo DT chi tiết (thay cáp ABC - nhánh mắc điện)	TP	1									11.921.150.456	9.127.640.900	1.852.986.573	11.921.150.456	9.127.640.900	1.852.986.573	
2	Theo DT chi tiết (thay trụ mắc điện)	TP	1									285.229.330	256.978.192		285.229.330	256.978.192	-	
3	Theo DT chi tiết (phần cải tạo trụ điện)	TP	1									773.876.360	697.226.152	-	773.876.360	697.226.152	-	
-	Tổng khái toán chưa dự phòng (sau VAT):														15.706.036.895	12.452.102.143	1.852.986.573	
-	Chi phí dự phòng phát sinh khối lượng (10%)														1.570.603.690			
-	Chi phí dự phòng phát sinh trượt giá (5%)														785.301.845			
-	Tổng khái toán (sau VAT):														18.061.942.430	12.452.102.143	1.852.986.573	

Bảng tổng hợp hiệu quả đầu tư									
Phương án đầu tư: Hoàn thiện và phát triển lưới trung trạm hạ thế khu vực phường Bình Tân năm 2027									
Thông số chính			Độ nhạy						
STT	Khoản mục	Giá trị	a. NPV khi giá mua và giá bán thay đổi (hàng ngang - giá mua)						
I	Tổng vốn đầu tư (Triệu đồng)	18061,94	56640,44	1990,1255	2020,432	2051,2	2081,968	2113,1975	
1	Thiết bị	1852,99	2176,93264	54505,42	70037,44	70037,44	54738,40	23448,42	
2	Xây lắp	12452,10	2210,0839	38628,62	54150,16	54150,16	38861,45	7592,58	
3	Khác		2243,74	39326,94	54838,00	54838,00	39559,60	8311,84	
4	Dự phòng	785,30	2277,3961	56351,72	71852,32	71852,32	56584,23	25357,55	
5	Khấu hao		2311,55704	90441,36	105931,49	105931,49	90673,71	59468,11	
	Thời gian tính khấu hao (năm)	10	b. IRR khi giá mua và giá bán thay đổi						
	Tỉ lệ khấu hao	10,0%	43%	1990,1255	2020,432	2051,2	2081,968	2113,1975	
	Tỉ lệ giá trị còn lại sau khấu hao	25%	2176,93264	41,9%	50,5%	50,5%	42,0%	23,0%	
II	Nguồn vốn (Triệu đồng)		2210,0839	32,6%	41,7%	41,7%	32,7%	11,6%	
1	Vốn tự có	18061,94	2243,74	33,0%	42,0%	42,0%	33,2%	12,1%	
	- Chiếm	100,0%	2277,3961	42,9%	51,5%	51,5%	43,0%	24,3%	
	- Lãi suất mong chờ	5,0%	2311,55704	61,5%	69,7%	69,7%	61,6%	44,7%	
2	Vốn vay	0,00	c. Thời gian hoàn vốn khi giá mua và giá bán thay đổi						
	- Chiếm	0,0%	3 năm 9 tháng	1990,1255	2020,432	2051,2	2081,968	2113,1975	
	- Lãi suất	10,0%	2176,93264	3 năm 10 tháng	3 năm 4 tháng	3 năm 4 tháng	3 năm 9 tháng	5 năm 11 tháng	
	- Thời gian trả nợ (năm)	10	2210,0839	4 năm 7 tháng	3 năm 10 tháng	3 năm 10 tháng	4 năm 7 tháng	8 năm 10 tháng	
3	Lãi suất bình quân tính NPV	5,0%	2243,74	4 năm 6 tháng	3 năm 9 tháng	3 năm 9 tháng	4 năm 6 tháng	8 năm 8 tháng	
III	Thuế		2277,3961	3 năm 9 tháng	3 năm 3 tháng	3 năm 3 tháng	3 năm 9 tháng	5 năm 8 tháng	
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	2311,55704	2 năm 10 tháng	2 năm 7 tháng	2 năm 7 tháng	2 năm 10 tháng	3 năm 7 tháng	
VI	Các thông số hoạt động		d. NPV khi thay đổi nguồn vốn (hàng ngang là vốn tự có)						
1	Số năm của dự án	10	56640,44%	18061,942	13546,457	9030,971	4515,486	0,000	
2	Công suất đặt (kVA)	15000	0,000	56640,4	56640,4	56640,4	56640,4		
3	T.gian sử dụng max	8000	4515,486	48420,1	47517,1	46050,6	43255,1	35851,6	
4	Điện năng c.cấp max (triệu kWh)	120,000	9030,971	41961,9	40884,9	39320,6	36842,7	32329,5	
5	Tổn thất kinh doanh	2,50%	13546,457	36432,4	35386,1	33968,8	31941,7	28807,5	
6	Hệ số sử dụng của phụ tải	60%	18061,942	31451,6	30497,1	29264,6	27612,6	25285,4	
7	Tỷ lệ chi phí QL VH (tính trên TVĐT)	1,0%	e. IRR khi thay đổi nguồn vốn						
8	Giá mua bình quân (đồng)	2051,2	43%	18061,942	13546,457	9030,971	4515,486	0,000	
9	Giá bán bình quân (đồng)	2243,7	0,000	43,1%	43,1%	43,1%	43,1%	43,1%	
			4515,486	40,1%	40,1%	40,1%	40,1%	40,1%	
	NPV	56640,44	9030,971	37,2%	37,2%	37,2%	37,2%	37,2%	
	IRR	43,1%	13546,457	34,2%	34,2%	34,2%	34,2%	34,2%	
	Thời gian hoàn vốn	3 năm 9 tháng	18061,942	31,3%	31,3%	31,3%	31,3%	31,3%	